

Số: A6 /2024/SGWTP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
 - Mã chứng khoán: SII
 - Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
 - Điện thoại liên hệ/Tel: 028 62918483
 - Website: www.saigonwater.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC năm 2023 đã kiểm toán
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2024
tại đường dẫn: <https://saigonwater.com.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán
- Văn bản giải trình số 45/2024/SGW



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH



TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 45/2024/SGW

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội

V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023.

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại 028 62918483

Fax: 028 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế là âm 38.601.220.603 đồng, giảm lỗ 47,8 tỷ đồng so với năm 2022 (Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là âm 86,4 tỷ đồng) chủ yếu nhờ Doanh thu tài chính tăng chủ yếu do khoản nhận cổ tức từ Công ty Tân Hiệp tăng hơn so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 lỗ số tiền 38.601.220.603 đồng là do các khoản doanh thu, thu nhập chưa bù đắp được các khoản chi phí trong kỳ và tại Công ty SII sản lượng dự án Củ Chi chưa đạt kết quả như mong muốn bên cạnh đó khoản vay thực hiện Dự án Củ Chi quá lớn dẫn đến chi phí tài chính cao, chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
I	TỔNG THU NHẬP	351.853.037.680
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.384.181.239
2	Doanh thu hoạt động tài chính	106.519.382.269
3	Thu nhập khác	1.949.474.172
II	TỔNG CHI PHÍ	390.454.258.283
1	Giá vốn hàng bán	245.375.744.002
2	Chi phí tài chính	81.621.297.671
3	Chi phí bán hàng	15.835.411.047
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.504.764.678
5	Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6.589.860.143
6	Chi phí khác	70.272.901
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.946.907.841
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	510.000.000
III	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (I-II)	(38.601.220.603)

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

+ Như trên

+ Lưu



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch/Thành viên (miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Roberto Jose Rialp Locsin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Philip Marc L.Hermann	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Hồ Thị Xuân	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 đã phê duyệt bổ sung ông Nguyễn Văn Thành là người đại diện pháp luật của Công ty cùng với ông Lều Mạnh Huy. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang thực hiện các thủ tục có liên quan để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho sự thay đổi này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện pháp luật (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Phó Tổng Giám đốc được ông Lều Mạnh Huy ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/2024/SGW/UQ của Tổng Giám đốc ngày 01 tháng 03 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.622.983.343	137.058.328.248
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.411.427.643	18.139.561.028
1. Tiền	111		7.311.427.643	9.039.561.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.100.000.000	9.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	10.301.669.003
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.000.000.000	10.301.669.003
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.972.560.252	73.007.635.027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58.982.028.034	52.862.924.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.725.848.862	291.080.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	130.137.241.289	116.431.248.886
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	16.340.521.255	11.472.835.013
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(114.213.079.188)	(108.050.454.443)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	14.285.502.889	14.597.349.198
1. Hàng tồn kho	141		14.285.502.889	14.597.349.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.953.492.559	21.012.113.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	565.955.802	997.119.735
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.355.425.600	9.787.877.169
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	10.032.111.157	10.227.117.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.014.679.791.197	2.088.206.073.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.624.408.152.464	1.688.116.559.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.622.427.874.976	1.685.831.448.611
- Nguyên giá	222		2.474.372.801.641	2.450.363.086.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(851.944.926.665)	(764.531.638.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.980.277.488	2.285.111.336
- Nguyên giá	228		4.144.600.391	3.967.000.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.164.322.903)	(1.681.889.055)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.298.240.379	2.695.547.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.298.240.379	2.695.547.067
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		365.722.076.378	372.311.936.521
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	222.568.681.378	229.158.541.521
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.141.321.976	24.977.029.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.487.649.962	4.358.423.413
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	9.376.717.350	9.582.666.912
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	8.276.954.664	11.035.939.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.170.302.774.540	2.225.264.401.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.233.275.069.879	933.747.562.288
I. Nợ ngắn hạn	310		99.665.392.921	448.240.342.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	40.605.744.896	39.502.005.987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.118.981.538	149.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.387.465.752	2.601.301.440
4. Phải trả người lao động	314		2.367.910.222	1.477.458.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.436.967.167	10.433.292.671
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.880.781.639	33.361.747.880
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	42.518.205.976	360.382.515.728
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		349.335.731	332.468.576
II. Nợ dài hạn	330		1.133.609.676.958	485.507.220.026
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	308.700.000.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	20.316.730.003	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	791.342.946.955	472.767.220.026
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	13.250.000.000	12.740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		937.027.704.661	1.291.516.839.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	937.027.704.661	1.291.516.839.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.538.225.108	18.538.225.108
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.239.632.121	49.801.512.120
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.585.595.556	138.775.153.361
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.132.492.584	416.059.747.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.170.302.774.540	2.225.264.401.656



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 25 tháng 3 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.384.181.239	224.802.835.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		243.384.181.239	224.802.835.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	245.375.744.002	233.073.268.714
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.991.562.763)	(8.270.433.373)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	106.519.382.269	51.792.318.043
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.621.297.671	82.531.653.648
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.585.195.263	82.175.322.239
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	(6.589.860.143)	47.203.406.380
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.835.411.047	16.656.982.891
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.504.764.678	83.285.357.058
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(38.023.514.033)	(91.748.702.547)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.949.474.172	6.097.118.419
13. Chi phí khác	32	VI.8	70.272.901	5.154.968.758
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.879.201.271	942.149.661
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(36.144.312.762)	(90.806.552.886)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.946.907.841	2.431.824.806
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.20	510.000.000	(6.828.318.685)
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(38.601.220.603)	(86.410.059.007)
19. Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.744.742.832	2.563.582.234
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(656)	(1.379)


 Hồ Thị Xuân
 Người lập biểu


 Hồ Thị Xuân
 Phụ trách Kế toán


 Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(36.144.312.762)	(90.806.552.886)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	92.281.215.471	94.594.026.546
Các khoản dự phòng	03	6.162.624.745	57.032.571.015
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(100.161.003.608)	(104.213.932.718)
Chi phí lãi vay	06	81.585.195.263	82.175.322.239
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.723.719.109	38.781.434.196
Tăng các khoản phải thu	09	(10.514.883.321)	(743.459.652)
Giảm hàng tồn kho	10	2.180.724.532	8.023.888.632
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.097.358.755	2.950.858.881
Giảm chi phí trả trước	12	1.301.937.384	3.358.460.570
Tiền lãi vay đã trả	14	(114.616.733.661)	(62.124.417.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.181.188.757)	(1.628.828.625)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.011.149.178)	(923.483.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.020.215.137)	(12.305.547.430)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.820.077.258)	(23.129.136.617)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	648.329.665	5.010.856.189
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.170.048.841)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.765.725.441	15.891.292.080
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.666.625.568	34.928.151.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	53.090.554.575	18.701.163.493

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	441.596.476.879	123.090.171.660
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(440.885.059.702)	(151.868.686.057)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.509.890.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.798.472.823)	(30.078.514.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.728.133.385)	(23.682.898.334)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.139.561.028	41.822.459.362
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	8.411.427.643	18.139.561.028



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thông tin về giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Công ty thực hiện tăng cường vận động, tuyên truyền người dân sử dụng nước sạch tại Dự án cấp nước Củ Chi và dự kiến số lượng khách hàng tăng, tăng sản lượng và giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp.
- Các công ty con, công ty liên kết của Công ty đều đã được tăng giá nước từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024. Đồng thời các công ty này cũng thực hiện các giải pháp tăng sản lượng, kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, trong năm 2025 Công ty sẽ hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn này để hoán đổi các khoản vay và công nợ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water"), Công ty mẹ của Công ty từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 - như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cần thiết cho hoạt động của Công ty và tiếp tục cho đến khi Công ty có khả năng tự chủ về dòng tiền phục vụ cho hoạt động tối thiểu trong một năm tài chính tiếp theo.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (77,4 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn công ty con

Khi công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty liên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ phát sinh giao dịch.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thoái vốn một phần vốn trong công ty liên kết, lãi/lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính** (tiếp theo)

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, tiền cho vay hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	646.178.259	1.729.603.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.665.249.384	7.309.957.208
Các khoản tương đương tiền (i)	1.100.000.000	9.100.000.000
Cộng	8.411.427.643	18.139.561.028

(i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Thương mại với lãi suất dao động từ 2,7%/năm đến 3,4%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	10.301.669.003

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 đến 12 tháng với lãi suất dao động từ 7,5% đến 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	10.762.555.952	10.576.016.035
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	7.986.811.521	7.910.205.155
Các khách hàng khác	17.779.936.648	11.923.979.510
Cộng	58.982.028.034	52.862.924.613

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	120.461.134.593	106.755.142.190
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	9.676.106.696	9.676.106.696
Cộng	130.137.241.289	116.431.248.886

(i) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2024;

(ii) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	9.018.919.553	7.689.196.880
Phải thu cổ tức được chia	3.682.026.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.440.813.156	279.452.500
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	1.048.020.355	2.292.931.782
Tạm chia cổ tức	999.900.000	1.100.010.000
Ký cược, ký quỹ	43.120.000	22.500.000
Các khoản phải thu khác	107.722.191	88.743.851
Cộng	16.340.521.255	11.472.835.013
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	16.350.521.255	11.477.835.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.912.586.992	2.047.718.433	(34.864.868.559)	1.764.534.564
Phải thu về cho vay ngắn hạn	130.137.241.289	58.400.121.391	(71.737.119.898)	45.494.917.003
Phải thu khác	7.611.090.731	-	(7.611.090.731)	-
Cộng	174.660.919.012	60.447.839.824	(114.213.079.188)	47.259.451.567
			155.309.906.010	(108.050.454.443)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu khó đòi

	2023 VND	2022 VND
Số dư tại ngày đầu năm	(108.050.454.443)	(52.791.284.428)
Trích lập dự phòng trong năm	(6.165.653.981)	(28.865.745.528)
Ghi nhận dự phòng khi thoái vốn công ty con	-	(28.741.593.429)
Hoàn nhập dự phòng	3.029.236	574.767.942
Giảm do thoái vốn công ty con	-	1.773.401.000
Số dư tại ngày cuối năm	(114.213.079.188)	(108.050.454.443)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.816.946.353	-	13.271.789.641	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.462.680	-	1.316.091.780	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	953.093.856	-	9.467.777	-
Cộng	14.285.502.889	-	14.597.349.198	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.398.356	391.109.839
Chi phí bảo hiểm	68.869.690	20.619.563
Chi phí trả trước khác	419.687.756	585.390.333
Cộng	565.955.802	997.119.735
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.872.173.633	427.620.405
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	973.725.528	2.118.368.182
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	260.461.652	830.242.266
Chi phí trả trước dài hạn khác	381.289.149	982.192.560
Cộng	3.487.649.962	4.358.423.413
Tổng cộng chi phí trả trước	4.053.605.764	5.355.543.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	243.068.329.043	159.354.202.754	2.043.024.840.145	4.159.170.970	756.544.000	2.450.363.086.912
Mua trong năm	-	1.301.031.334	-	78.280.000	-	1.379.311.334
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	3.612.751.494	289.202.666	22.017.886.271	-	-	25.919.840.431
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.289.437.036)	-	-	(3.289.437.036)
Tại ngày 31/12/2023	246.681.080.537	160.944.436.754	2.061.753.289.380	4.237.450.970	756.544.000	2.474.372.801.641

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2023	118.543.053.776	120.250.150.706	522.588.865.576	2.393.024.243	756.544.000	764.531.638.301
Khấu hao trong năm	10.127.513.180	3.790.044.570	74.469.929.392	652.309.597	-	89.039.796.739
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.626.508.375)	-	-	(1.626.508.375)
Tại ngày 31/12/2023	128.670.566.956	124.040.195.276	595.432.286.593	3.045.333.840	756.544.000	851.944.926.665

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2023	124.525.275.267	39.104.052.048	1.520.435.974.569	1.766.146.727	-	1.685.831.448.611
Tại ngày 31/12/2023	118.010.513.581	36.904.241.478	1.466.321.002.787	1.192.117.130	-	1.622.427.874.976

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm là của Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận và Đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.784.376.225.077 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 448.227.066.478 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45.794.506.895 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 45.729.481.199 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã sử dụng nhà cửa là nhà máy nước, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.778.527.077.140 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 1.784.376.225.077 đồng).

Ngoài ra, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 201.400.580.051 đồng và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 199.902.060.051 đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm
quản lý nước sạch
VND

Nguyên giá

Tại ngày 01/01/2023

3.967.000.391

Mua trong năm

177.600.000

Tại ngày 31/12/2023**4.144.600.391****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2023

1.681.889.055

Khấu hao trong năm

482.433.848

Tại ngày 31/12/2023**2.164.322.903****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2023

2.285.111.336

Tại ngày 31/12/2023**1.980.277.488**

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 154.192.120 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 107.800.000 đồng).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.19, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.760.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	2.676.076.675	983.498.397
Dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	606.336.111	1.710.048.670
Các dự án khác	15.827.593	2.000.000
Cộng	3.298.240.379	2.695.547.067

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.695.547.067	421.546.507
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	30.218.355.394	20.223.553.538
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.919.840.431)	(17.430.459.296)
Vật tư thừa nhận kho	(3.638.045.023)	(503.475.747)
Giảm khác	(57.776.628)	(15.617.935)
Số dư cuối năm	3.298.240.379	2.695.547.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	119.659.788.611	102.908.892.767	119.659.788.611	109.498.752.910
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	(44.100.000.000)	44.100.000.000	(44.100.000.000)
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	4.298.086.861	(4.298.086.861)
Cộng	168.057.875.472	54.510.805.906	168.057.875.472	61.100.666.049
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		222.568.681.378		229.158.541.521

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty.

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên có thể khác giá trị ghi sổ.

Trong năm, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Tại thời điểm đầu năm	229.158.541.521	181.955.135.141
Giá trị ghi nhận trong năm	(6.589.860.143)	47.203.406.380
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	86.290.139.857	78.163.406.380
- Cổ tức được chia trong năm	(92.880.000.000)	(30.960.000.000)
Tại thời điểm cuối năm	222.568.681.378	229.158.541.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.376.717.350	-	9.582.666.912	-

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023	60.073.074.001
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2023	49.037.134.453
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.758.984.884
Tại ngày 31/12/2023	51.796.119.337
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	11.035.939.548
Tại ngày 31/12/2023	8.276.954.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	24.799.029.223	24.799.029.223	18.966.462.431	18.966.462.431
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Bình Thuận Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	5.704.159.630	5.704.159.630	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc Các nhà cung cấp khác	1.385.483.400	1.385.483.400	759.753.900	759.753.900
	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
	5.580.441.807	5.580.441.807	6.753.446.929	6.753.446.929
	40.605.744.896	40.605.744.896	39.502.005.987	39.502.005.987
b. Phải trả người bán dài hạn				
Viac (No.1) Limited Partnership (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
	308.700.000.000	308.700.000.000	-	-
Cộng	349.305.744.896	349.305.744.896	39.502.005.987	39.502.005.987
Phải trả người bán là bên liên quan				
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	154.350.000.000	154.350.000.000	9.885.711.891	9.885.711.891

(i) Số dư là khoản phải trả cho các bên liên quan đến hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 thông qua việc hoán đổi khoản nợ này thành cổ phần mới phát hành của Công ty, thời gian thực hiện không quá ngày 01 tháng 02 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	389.258.000	210.090.931	15.085.000	194.252.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.837.859.088	-	-	9.837.859.088
Cộng	10.227.117.088	210.090.931	15.085.000	10.032.111.157
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	72.757.606	1.262.248.780	1.293.422.876	41.583.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.608.038.355	1.946.907.841	2.181.188.757	1.373.757.439
Thuế thu nhập cá nhân	264.143.630	1.055.886.373	1.097.642.504	222.387.499
Thuế tài nguyên	63.369.984	766.040.470	760.274.518	69.135.936
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	31.028.281	31.028.281	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	5.405.303	1.082.551.000	1.082.551.000	5.405.303
Thuế bảo vệ môi trường	418.065.737	5.657.638.187	5.571.858.460	503.845.464
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	169.520.825	418.777.634	416.947.858	171.350.601
Cộng	2.601.301.440	12.221.078.566	12.434.914.254	2.387.465.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	7.494.179.553	8.941.336.464
Chi phí điện sản xuất	378.669.300	340.015.900
Chi phí nước thô	-	785.309.400
Các khoản chi phí phải trả khác	564.118.314	366.630.907
Cộng	8.436.967.167	10.433.292.671

18. Phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn	747.347.427	32.331.728.914
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	915.289.000	835.289.000
Kinh phí công đoàn	13.230.000	26.768.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.800.000	38.800.000
Các khoản khác	166.115.212	129.161.966
Cộng	1.880.781.639	33.361.747.880
b. Phải trả dài hạn		
Phải trả các khoản được chi hộ	10.779.186.891	-
Phải trả chi phí lãi vay ngân hàng (i)	9.537.543.112	-
Cộng	20.316.730.003	-
Tổng cộng phải trả khác	22.197.511.642	33.361.747.880
Trong đó, phải trả cho bên liên quan		
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	10.779.186.891	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Cộng	11.420.933.760	-

(i) Khoản chi phí lãi vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (thuyết minh V.19b), được ngân hàng cơ cấu thời hạn thanh toán. Theo đó 30% chi phí lãi vay phát sinh từ kỳ trả nợ 25/01/2023 đến kỳ 25/10/2027 sẽ được cộng dồn và chia đều thanh toán trong giai đoạn từ kỳ trả nợ 25/01/2028 đến kỳ 27/01/2031.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2023		01/01/2023		Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	
a. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng					
Khoản vay các bên khác					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	13.968.591.962	85.121.683.879	92.343.263.577	21.190.171.660
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	6.000.000.000	297.093.110.068	291.093.110.068
Vay bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CIJ	-	-	8.000.000.000	27.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	28.549.614.014	28.549.614.014	-	-	29.099.234.000
Cộng	42.518.205.976	42.518.205.976	102.121.683.879	419.436.373.645	360.382.515.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	339.474.793.000	339.474.793.000	339.474.793.000	-	-	-
Khoản vay các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	464.217.606.012	464.217.606.012	-	36.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	15.650.547.943	15.650.547.943	15.650.547.943	-	-	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á	549.614.014	549.614.014	-	1.099.234.000	1.648.848.014	1.648.848.014
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(28.549.614.014)	(28.549.614.014)	-	-	(29.099.234.000)	-29.099.234.000
Cộng	791.342.946.955	791.342.946.955	355.125.340.943	37.099.234.000	472.767.220.026	472.767.220.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 6,6% đến 9%	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	310.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 8,5% đến 9,7% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi.
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	153.419.666.538	180 tháng	28/06/2032	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	339.474.793.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.650.547.943	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	6.000.000.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	549.614.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Lịch thanh toán nợ vay dài hạn:**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	28.549.614.014	29.099.234.000
Trong năm thứ hai	399.125.340.943	36.549.614.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	195.500.000.000	168.500.000.000
Sau năm năm	196.717.606.012	267.717.606.012
Cộng	819.892.560.969	501.866.454.026
Từ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(28.549.614.014)	(29.099.234.000)
Số phải trả sau 12 tháng	791.342.946.955	472.767.220.026

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	-	19.568.318.685	19.568.318.685
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(6.828.318.685)	(6.828.318.685)
Tại ngày 01/01/2023	-	12.740.000.000	12.740.000.000
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	510.000.000	510.000.000
Tại ngày 31/12/2023	-	13.250.000.000	13.250.000.000
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			510.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	139.565.878.339	411.000.523.668	1.376.221.981.963
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(88.973.641.241)	2.563.582.234	(86.410.059.007)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	4.006.355.847	4.006.355.847
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(532.271.871)	(181.997.445)	(714.269.316)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(258.453.107)	(28.717.012)	(287.170.119)
Tại ngày 01/01/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	49.801.512.120	416.059.747.292	1.291.516.839.368
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(42.345.963.435)	3.744.742.832	(38.601.220.603)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(34.586.690)	(308.791.413.310)	(308.826.000.000)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.610.000.000)	(5.610.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(799.821.880)	(228.194.453)	(1.028.016.333)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (i)	-	-	-	-	(381.507.994)	(42.389.777)	(423.897.771)
Tại ngày 31/12/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	6.239.632.121	105.132.492.584	937.027.704.661

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát tại các công ty con được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của từng đơn vị cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2023, Công ty không chia cổ tức năm 2022.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	225.831.514.743	216.242.674.636
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	17.390.123.037	8.393.682.394
Doanh thu bán hàng hóa	162.543.459	166.478.311
Cộng	243.384.181.239	224.802.835.341

2. Giá vốn hàng bán

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	232.532.544.275	227.323.505.465
Giá vốn thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	12.743.719.204	5.650.396.327
Giá vốn bán hàng hóa	99.480.523	99.366.922
Cộng	245.375.744.002	233.073.268.714

Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	12.856.714.948	9.771.586.048
---	----------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023	2022
	VND	VND
Cổ tức được chia	104.335.192.000	42.415.192.000
Lãi thoái vốn các khoản đầu tư	9.370.045	7.596.657.145
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.174.820.224	1.389.959.185
Lãi chiết khấu thanh toán	-	390.509.713
Cộng	106.519.382.269	51.792.318.043

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	92.880.000.000	30.960.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	532.525.787	402.497.263
Cộng	93.412.525.787	31.362.497.263

4. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.585.195.263	82.175.322.239
Chi phí tài chính khác	36.102.408	356.331.409
Cộng	81.621.297.671	82.531.653.648

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	834.238.356	359.178.082
Công ty CII	-	8.064.579.213
Cộng	1.475.985.225	359.178.082

5. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.143.854.389	15.011.490.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.101.420	527.601.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.156.455.238	1.117.891.047
Cộng	15.835.411.047	16.656.982.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.302.193.575	16.946.266.857
Lợi thế thương mại phân bổ	2.758.984.884	6.021.750.652
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	6.162.624.745	50.030.673.319
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.317.267	34.825.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.108.132.603	1.163.062.987
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	50.769.224	147.733.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.337.916.085	2.183.286.604
Các khoản chi phí khác	5.741.826.295	6.757.757.804
Cộng	38.504.764.678	83.285.357.058

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	535.833.872	651.325.832
--------------------------------------	-------------	-------------

7. Thu nhập khác

	2023	2022
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ di dời đường ống cấp nước	1.180.983.333	5.608.718.008
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	522.694.933	483.679.663
Lãi thanh lý tài sản cố định	231.481.482	-
Các khoản thu nhập khác	14.314.424	4.720.748
Cộng	1.949.474.172	6.097.118.419

8. Chi phí khác

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	6.978.746	102.024.904
Xử lý số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	-	5.045.908.854
Các khoản chi phí khác	63.294.155	7.035.000
Cộng	70.272.901	5.154.968.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023		2022		Tổng cộng VND
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Tổng cộng VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	13.703.809.904	(49.848.122.666)	(36.144.312.762)	11.438.509.974	(90.806.552.886)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	31.917.046	56.596.263.702	56.628.180.748	1.919.220.472	112.983.974.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-104.335.192.000	(104.335.192.000)	-	(42.415.192.000)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	6.589.860.143	6.589.860.143	-	(47.203.406.380)
Lợi thế thương mại phân bổ	-	2.758.984.884	2.758.984.884	-	6.021.750.652
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	106.132.479.994	106.132.479.994	2.366.920.037	97.381.091.331
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	-	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)	-	-
Loại trừ lãi thoái vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất	-	(9.370.045)	(9.370.045)	-	(4.896.657.145)
Ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	28.741.593.429
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	31.917.046	48.009.500.726	48.041.417.772	(447.699.565)	75.802.494.433
Tổng thu nhập chịu thuế	13.735.726.950	6.748.141.036	20.483.867.986	13.357.730.446	22.177.421.869
Lỗ tính thuế mang sang	-	(447.533.564)	(447.533.564)	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	13.735.726.950	6.300.607.472	20.036.334.422	13.357.730.446	22.177.421.869
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%			
Thuế suất thuế thông thường		20%			
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	10%			10%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.373.572.695	1.260.121.493	2.633.694.188	1.335.773.045	3.099.711.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(686.786.347)	-	(686.786.347)	(667.886.522)	(667.886.522)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	686.786.348	1.260.121.493	1.946.907.841	667.886.523	2.431.824.806

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	64.522.104	64.522.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(656)	(1.379)

11. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.473.796.298	102.175.046.953
Chi phí nhân công	45.005.745.168	41.849.904.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.463.482.973	88.502.120.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.257.598.738	26.516.605.025
Chi phí khác	21.801.778.559	39.649.841.855
Cộng	298.002.401.736	298.693.518.696

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước, tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	225.831.514.743	162.543.459	17.390.123.037	-	243.384.181.239
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	92.373.037	(92.373.037)	-
Tổng doanh thu	225.831.514.743	162.543.459	17.482.496.074	(92.373.037)	243.384.181.239
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	232.143.902.414	99.480.523	13.132.361.065	-	245.375.744.002
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	92.373.037	(92.373.037)	-
Tổng chi phí	232.143.902.414	99.480.523	13.224.734.102	(92.373.037)	245.375.744.002
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.312.387.671)	63.062.936	4.257.761.972	-	(1.991.562.763)
Doanh thu hoạt động tài chính					106.519.382.269
Chi phí tài chính					81.621.297.671
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					(6.589.860.143)
Chi phí bán hàng					15.835.411.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp					38.504.764.678
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(38.023.514.033)
Thu nhập khác					1.949.474.172
Chi phí khác					70.272.901
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.946.907.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					510.000.000
Tổng lỗ sau thuế					(38.601.220.603)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Chi tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	216.242.674.636	166.478.311	8.393.682.394	-	224.802.835.341
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.009.640.682	-	-	(2.009.640.682)	-
Tổng doanh thu	218.252.315.318	166.478.311	8.393.682.394	(2.009.640.682)	224.802.835.341
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	227.323.505.465	99.366.922	5.650.396.327	-	233.073.268.714
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	2.090.571.546	-	-	(2.090.571.546)	-
Tổng chi phí	229.414.077.011	99.366.922	5.650.396.327	(2.090.571.546)	233.073.268.714
Kết quả kinh doanh bộ phận	(11.161.761.693)	67.111.389	2.743.286.067	80.930.864	(8.270.433.373)
Doanh thu hoạt động tài chính					51.792.318.043
Chi phí tài chính					82.531.653.648
Phản lãi trong công ty liên doanh, liên kết					47.203.406.380
Chi phí bán hàng					16.656.982.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp					83.285.357.058
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(91.748.702.547)
Thu nhập khác					6.097.118.419
Chi phí khác					5.154.968.758
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.431.824.806
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.828.318.685)
Tổng lợi nhuận sau thuế					(86.410.059.007)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Gia Lai VND	Tỉnh Lâm Đồng VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán					
<i>Tại ngày 31/12/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	109.519.910.144	27.803.876.686	31.566.408.240	(13.267.211.727)	155.622.983.343
Tài sản dài hạn	1.656.512.955.237	167.046.647.632	85.661.295.561	105.458.892.767	2.014.679.791.197
Nợ phải trả	1.235.222.399.870	3.653.291.430	2.702.915.015	(8.303.536.436)	1.233.275.069.879
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	86.040.471.441	37.164.237.857	23.638.547.645	(9.784.928.695)	137.058.328.248
Tài sản dài hạn	1.717.859.630.214	286.521.134.688	93.368.131.986	(9.542.823.480)	2.088.206.073.408
Nợ phải trả	930.668.610.327	136.455.988.661	2.648.420.925	(136.025.457.625)	933.747.562.288
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</i>					
Doanh thu thuần	124.323.961.257	58.712.857.419	60.439.735.600	(92.373.037)	243.384.181.239
Giá vốn	157.343.154.570	45.715.202.855	42.409.759.614	(92.373.037)	245.375.744.002
Lợi nhuận gộp	(33.019.193.313)	12.997.654.564	18.029.975.986	-	(1.991.562.763)
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</i>					
Doanh thu thuần	110.904.151.404	56.654.441.373	59.346.475.839	(2.102.233.275)	224.802.835.341
Giá vốn	146.949.595.328	46.251.791.236	41.974.115.425	(2.102.233.275)	233.073.268.714
Lợi nhuận gộp	(36.045.443.924)	10.402.650.137	17.372.360.414	-	(8.270.433.373)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/09/2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) (i)	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (i)	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (i)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn

(i) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) đã thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát. Do đó, Công ty CII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Trả tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	19.000.000.000
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	834.238.356	359.178.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	339.474.793.000	-
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	92.880.000.000	30.900.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	34.027.397	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 14/09/2023)	333.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	220.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	918.453.525	875.988.500
Ông Nguyễn Khánh Duy	Giám đốc Vận hành - Kỹ thuật	230.190.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 14/09/2023)	986.346.827	1.207.548.500
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/08/2023)	330.000.000	660.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2023)	679.805.700	937.388.500
Cộng		3.698.296.052	3.680.925.500

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2023	2022
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	91.121.683.879	102.590.171.660
Tiền thu từ đi vay các bên liên quan	350.474.793.000	20.500.000.000
	441.596.476.879	123.090.171.660
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	410.885.059.702	151.868.686.057
Tiền trả nợ gốc vay các bên liên quan	30.000.000.000	-
	440.885.059.702	151.868.686.057

4. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	876.918.140	725.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	761.413.744	360.000.000
Cộng	1.638.331.884	1.085.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 54.641.601 đồng/tháng (bao gồm phí quản lý). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 2 năm và sẽ đến hạn ngày 15 tháng 12 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water") đã hoàn tất giao dịch mua 20.394.550 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty DNP Water nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 32.653.750 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 50,6%. Theo đó, Công ty DNP Water trở thành Công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 01/2024/SGW/UQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2021;
- Xét yêu cầu thực tế của công việc.

NGƯỜI ỦY QUYỀN:

- Ông : **Lều Mạnh Huy**, sinh ngày 15/04/1985, quốc tịch Việt Nam
- Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- CCCD số : 033085001969, ngày cấp 14/10/2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN:

- Bà : **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**, sinh ngày 07/01/1980, quốc tịch Việt Nam
- Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính
- CCCD số : 064180000019, ngày cấp: 12/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

A. Nội dung và phạm vi ủy quyền: Bằng giấy ủy quyền này Người nhận ủy quyền được thay mặt Người ủy quyền thực hiện các công việc sau:

- Ký Báo cáo tài chính quý, soát xét và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán
- Ký các thư giải trình của Ban giám đốc gửi đến Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Người ủy quyền và Người nhận ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công việc ủy quyền nêu trên. Người nhận ủy quyền phải báo cáo cho Người ủy quyền các công việc thực hiện.

B. Thời gian ủy quyền: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày **01/03/2024** cho đến khi có thông báo mới của Tổng giám đốc.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN


NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

NGƯỜI ỦY QUYỀN




LỀU MẠNH HUY